

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2020/HS - PT

Ngày: 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 160/2019/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo **Vũ Sỹ Đ** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo Vũ Sỹ Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Sỹ Đ. Sinh ngày 26/6/1974 tại; Nơi cư trú: thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: cán bộ Công an thuộc Trung đoàn CSCĐ T (Ễ) Bộ Tư lệnh CSCĐ Bộ Công an đóng tại thành phố P, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Sỹ Đ, sinh năm 1943 và bà Hà Thị N, sinh năm 1949; có vợ là Bùi Thị Q và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt.

Ngày 27/12/2017 bị cáo bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Lê Đình Q, Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Trần Xuân T, sinh năm: 1968 và bà Vũ Thị C, sinh năm: 1971. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1965 và bà Đoàn Thị D, sinh năm: 1962. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: TDP 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

3. Ông Hồ Sư T2, sinh năm: 1968. Địa chỉ: tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Ngọc D, sinh năm 1984; Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Sỹ Đ, nguyên là Đại úy Công an công tác tại Trung Đoàn Cảnh sát Cơ động (CSCĐ) T (Ễ) thuộc Bộ Tư lệnh CSCĐ Bộ Công an ở địa chỉ tổ 2 - phường C - thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bản thân Đ không có thẩm quyền, chức năng tuyển dụng người vào làm trong lực lượng CSCĐ Bộ. Trong năm 2015 và 2016, Vũ Sỹ Đ đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin Trung đoàn CSCĐ T đang có chỉ tiêu tuyển ngành ngoài vào làm việc tại Trung đoàn với người có trình độ Trung cấp y tế và cao đẳng kế toán trở lên, bản thân Đ có khả năng xin cho người khác vào làm việc tại Trung đoàn CSCĐ T, xin cho người khác đi nghĩa vụ trong lực lượng Công an, khi hết nghĩa vụ sẽ được chuyển chuyên nghiệp phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân. Do tưởng Vũ Sỹ Đ nói thật nên ông Đinh Công T3 và anh Bùi Ngọc D là người quen biết với Đ đã giới thiệu vợ chồng ông Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1 và Hồ Sư T2 gặp Đ để nhờ xin việc làm và bị Đ chiếm đoạt tiền, cụ thể như sau:

Hành vi chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của vợ chồng ông Trần Xuân T - Vũ Thị C và 280.000.000 đồng của vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 - Đoàn Thị D ở Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Vào khoảng tháng 7/2015, Vũ Sỹ Đ đến thị trấn C - huyện C thì gặp và quen với ông Đinh Công T3 ở Tổ dân phố 4 thị trấn huyện C. Ông T3 mời Đ về nhà chơi. Đ giới thiệu Trung đoàn CSCĐ có mấy chỉ tiêu tuyển dụng ngành ngoài là kế toán và y tế nên bảo ông T3 xem bà con hàng xóm ai có nhu cầu xin

vào Trung đoàn cơ động thì giới thiệu để Đ giúp. Khi nghe Đ nói như vậy, ông T3 tưởng là thật nên đã nói lại cho vợ chồng ông Trần Xuân T - Vũ Thị C (em vợ của ông T3) và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 - Đoàn Thị D (là hàng xóm của ông T3). Vì Vợ chồng ông T có con gái là Trần Thị H đã tốt nghiệp Trung cấp Y tế và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 có con gái tên Nguyễn Đoàn Tùng V tốt nghiệp Cao đẳng Kế toán nhưng đều chưa có việc làm nên vợ chồng ông T, ông T1 nhờ ông T3 giới thiệu gặp Vũ Sỹ Đ để nhờ xin việc cho con của mình. Khi gặp Đ, vợ chồng ông T - bà C nhờ Vũ Sỹ Đ xin cho cháu Trần Thị H vào làm Y tế tại Trung Đoàn CSCĐ T. Vũ Sỹ Đ nhận lời giúp và đưa ra số tiền chi phí để xin cho cháu H vào làm quân y là 220.000.000 đồng, nhưng khi giao hồ sơ xin việc phải đưa trước 1/2 số tiền, đến khi có Quyết định đi làm thì phải đưa hết số tiền còn lại. Vợ chồng ông T1 - bà D nhờ Vũ Sỹ Đ giúp xin cho cháu Nguyễn Đoàn Tùng V vào làm Kế toán tại Trung Đoàn CSCĐ T. Vũ Sỹ Đ nhận lời giúp và đưa ra chi phí là 280.000.000 đồng, Đ hứa sau 03 (ba) tháng cháu V sẽ có Quyết định đi làm và phải đưa hết số tiền còn lại.

Ngày 24/7/2015, do tin tưởng Vũ Sỹ Đ sẽ xin được việc làm cho cháu H, cháu V nên ông Trần Xuân T, Nguyễn Văn T1 đã cùng ông Đinh Công T3 lên thành phố P - tỉnh Gia Lai gặp Đ. Ông T đã giao trước cho Vũ Sỹ Đ số tiền 50.000.000 đồng, ông T1 giao trước 100.000.000 đồng cho Vũ Sỹ Đ. Khi nhận tiền, Đ đã viết giấy mượn tiền giao lại cho ông T và ông T1.

Đến ngày 30/7/2015, Đ liên lạc với gia đình ông T, ông T1 và nói đưa thêm tiền, sau đó Vũ Sỹ Đ đến nhà ông Đinh Công T3. Bà Vũ Thị C đã đến nhà ông T3 đưa cho Đ số tiền 50.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T1 đem 100.000.000 đồng đến nhà ông T3 đưa cho Đ. Đ viết biên nhận số tiền này thêm vào “*Giấy mượn tiền*” ngày 24/7/2015 và hứa hẹn trong vòng 03 (ba) tháng cháu H, cháu V sẽ có Quyết định đi làm.

Đến ngày 09/10/2015, Vũ Sỹ Đ tiếp tục yêu cầu ông T1 giao đủ số tiền nên ông T1 đã cùng ông T3 lên thành phố P để giao thêm cho Đ số tiền 80.000.000 đồng, Đ viết Giấy nhận tiền giao cho ông T1.

Tổng cộng Đ đã nhận của vợ chồng ông Trần Xuân T 100.000.000 đồng để xin cho cháu Trần Thị H làm quân y của Trung đoàn CSCĐ T và nhận của vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 280.000.000 đồng để xin việc cho cháu Nguyễn Đoàn Tùng V làm kế toán Trung đoàn CSCĐ T. Sau khi nhận số tiền trên, Đ không xin việc cho cháu H, cháu V mà đã sử dụng để tiêu xài cá nhân. Quá thời hạn cam kết nhưng không thấy có quyết định đi làm như Đ đã hứa vợ chồng ông T, ông T1 hỏi thì Đ tiếp tục hứa hẹn và viết cam kết sẽ lo được việc cho cháu H, cháu V, nếu không sẽ trả lại tiền nhưng sau đó không thực hiện. Vợ chồng ông

T, ông T1 đã nhiều lần đòi tiền nhưng Đ chỉ hứa hẹn mà không trả nên đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của Đ.

Hành vi chiếm đoạt số tiền 175.000.000 đồng của ông Hồ Sư T2 ở tỉnh Gia Lai.

Trong năm 2015, anh Bùi Ngọc D (địa chỉ - thành phố P) có gặp và quen Vũ Sỹ Đ. Đ giới thiệu đang công tác tại Trung đoàn CSCĐ (Ễ) Bộ Công an và nói có khả năng xin cho các thanh niên vào lính CSCĐ bộ và ở lại biên chế. Khi nghe vậy, anh D có nói cho ông Hồ Sư T2 (là bà con phía vợ anh D) biết. Do ông T2 có con trai là Hồ Sư Đ chưa có việc làm nên ông T2 nhờ D đưa đến gặp Đ để xin cho cháu Đ. Ngày 27/12/2015, ông T2 cùng em trai là Hồ Sỹ Lợi (trú tại tổ 1 - phường Thống Nhất - thành phố P) và Bùi Ngọc D đến nơi ở trọ của Vũ Sỹ Đ tại - thành phố P. Tại đây, ông T2 nhờ Vũ Sỹ Đ lo cho con của ông T2 là Hồ Sư Đ được thực hiện nghĩa vụ Công an nhân dân và được biên chế chuyên nghiệp trong ngành Công an khi cháu Đ hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Vũ Sỹ Đ nhận lời giúp và nói chi phí là 220.000.000 đồng, do không có đủ tiền nên ông T2 đã giao trước cho Vũ Sỹ Đ số tiền 150.000.000 đồng. Đ viết giấy biên nhận số tiền này giao cho ông T2, có sự chứng kiến của ông Hồ Sư Lợi. Đ nói ông T2 về làm hồ sơ cho cháu Đ để đưa cho Đ. Tháng 02/2016, sau khi ông T2 giao hồ sơ của cháu Đ cho Vũ Sỹ Đ, lấy lý do Bằng tốt nghiệp phổ thông trung học của cháu Đ là Bằng bổ túc nên không đủ điều kiện tham gia thực hiện nghĩa vụ và xét biên chế chuyên nghiệp trong ngành Công an, Đ nói ông T2 đưa thêm cho Đ số tiền 25.000.000 đồng để Đ chạy lo Bằng tốt nghiệp PTTH chính quy cho cháu Đ. Do tin tưởng Đ nói thật nên ông T2 đã đưa cho anh Bùi Ngọc D số tiền 25.000.000 đồng để nhờ anh chuyển lại cho Đ và sau đó anh D đã giao cho Đ số tiền này, việc giao tiền không có giấy biên nhận. Tổng cộng Vũ Sỹ Đ đã nhận 175.000.000 đồng của ông Hồ Sư T2, số tiền này Đ không lo việc cho cháu Đ như đã hứa mà sử dụng số tiền trên để tiêu xài cá nhân. Đầu năm 2017, thấy Vũ Sỹ Đ không lo được cho cháu Hồ Sư Đ đi nghĩa vụ trong ngành Công an nên ông T2 đã yêu cầu Đ trả lại tiền, Đ hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả lại tiền nên ông T2 đã làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của Đ (BL số 6, 67-70: Đơn tố cáo và lời khai bị hại; BL số 20: Giấy nhận tiền; BL số 71, 72: Lời khai người làm chứng; BL số 73, 74: Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; BL Số 48, 49: Biên bản làm việc; BL số 107-110: Lời khai bị can).

Qua giám định chữ viết, chữ ký, tại Bản giám định số 19/KLGĐ ngày 10/12/2017 và số 102/KLGĐ ngày 19/01/2018 của phòng KTHS Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên “Vũ Sỹ Đ” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A, A1 đến A7 (02 giấy mượn tiền 24/7/2015, giấy nhận tiền ngày 09/10/2015, Bản cam kết ngày 15/12/2016; giấy cam kết ngày 13/3/2015,

02 giấy cam kết ngày 11/7/2016, 01 giấy biên nhận ngày 27/12/2015) so với chữ viết, chữ ký của Vũ Sỹ Đ trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết và ký.

Về dân sự: Hiện nay, Vũ Sỹ Đ chưa bồi thường gì cho các bị hại. Các bị hại yêu cầu Vũ Sỹ Đ phải hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 06/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Sỹ Đ phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; Điều 38; các điểm s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Vũ Sỹ Đ 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Vũ Sỹ Đ phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Xuân T, bà Vũ Thị C số tiền 100.000.000 đồng; trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Đoàn Thị D số tiền 280.000.000 đồng; trả cho ông Hồ Sư T2 số tiền 175.000.000 đồng. Tổng cộng là 555.000.000 đồng

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2019 bị cáo Vũ Sỹ Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Vũ Sỹ Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ. Quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo Vũ Sỹ Đ đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại và được những người bị hại làm đơn xin bãi nại và giảm nhẹ hình phạt. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Ý kiến của bị cáo Vũ Sỹ Đ: Bị cáo thống nhất xét xử không cần có mặt của Luật sư. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn nhưng đã vay mượn người thân khắc toàn bộ số tiền cho những người bị hại và được họ làm đơn bãi

nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Vũ Sỹ Đ, nguyên là Đại úy Công an công tác tại Trung Đoàn cảnh sát cơ động T thuộc Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động Bộ công an đóng tại Gia Lai không có thẩm quyền, chức năng tuyển dụng người vào làm trong lực lượng cảnh sát cơ động của bộ. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến năm 2017, Vũ Sỹ Đ đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin Trung đoàn cảnh sát cơ động T nơi Đ đang công tác có chỉ tiêu tuyển người ngoài vào làm việc tại Trung đoàn với người có trình độ Trung cấp y tế và Cao đẳng kế toán trở lên, Đ có khả năng xin cho người khác vào làm việc, xin đi nghỉ vụ trong lực lượng công an, khi hết nghỉ vụ sẽ được chuyển chuyên nghiệp phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân. Do tin tưởng Đ, nên ông Đinh Công T3 và Bùi Ngọc D là hai người quen biết với Đ đã giới thiệu vợ chồng ông Trần Xuân T, bà Vũ Thị C; ông Nguyễn Văn T1, bà Trần Thị D và ông Hồ Sư T2 để nhờ xin việc và bị Đ chiếm đoạt số tiền là 555.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Đ đã sử dụng số tiền chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết.

[2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, ảnh hưởng đến uy tín của ngành Công an. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc, để cải tạo và giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Do hành vi của bị cáo Vũ Sỹ Đ thực hiện trước ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật), theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có lợi cho bị cáo so với điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo là đúng pháp luật.

[4] Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như: Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, công tác được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, Chiến sỹ tiên tiến đã xử phạt bị cáo 12 năm tù là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tuy hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt 555.000.000 đồng cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm được qui định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; đồng thời, áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét, cân nhắc giảm nhẹ thêm một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật yên tâm cải tạo tốt, có điều kiện sớm hoà nhập cộng đồng xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[7]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Sỹ Đ; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Vũ Sỹ Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về dân sự: Bị cáo Vũ Sỹ Đ đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại 555.000.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Sỹ Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Trường